

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 222/2024/HC-ST
Ngày: 24-12-2024

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tố Linh

Bà Phan Thị Vi Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2024/TLST-HC ngày 06/11/2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2024/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số A khu G tổ D, phường X, quận T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu phố C, phường X, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Người bị kiện: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Công T, chức vụ: Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Anh T1, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chi nhánh Văn phòng Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T1, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ.

+ Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Nguyễn Hoàng T2, chức vụ: Giám đốc.

+ Ông Bùi Minh Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt: bà Nguyễn Thị Thanh H. Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị D và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/4/2019, bà D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 178, tờ bản đồ số 85, diện tích 1000,0 m², mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn: 300,0 m² và đất trồng cây lâu năm: 700,0 m², tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận từ ông Bùi Minh Q. Ngày 12/4/2019, bà D ủy quyền cho bà Đặng Vũ Thị H1 nộp hồ sơ đăng ký nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng Đ. Ngày 03/05/2019, bà đã nộp lệ phí trước bạ nhà đất và thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản. Ngày 01/08/2024, Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành công văn số 1126/TB-CNVPĐKĐĐPT-ĐKCG về việc hoàn trả hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị D với lý do UBND thành phố P cho phép ông Q chuyển mục đích sử dụng đất là không phù hợp với quy hoạch.

Bà D cho rằng bà đã đủ điều kiện thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Chi nhánh Văn phòng Đ từ chối giải quyết hồ sơ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi hợp pháp của bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu: Hủy Công văn số 1126/TB-CNVPĐKĐĐPT-ĐKCG ngày 01/08/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ; buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B và Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ giải quyết hồ sơ điều chỉnh sang tên cho bà Nguyễn Thị D theo quy định của Pháp luật.

Người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B có ý kiến tại văn bản số 4253/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 12/12/2024:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, Chi nhánh Văn phòng Đ đã cung cấp ý kiến tại Công văn số 10946/CNVPĐKĐĐPT-TTLT ngày 06/12/2024 và toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Tòa án. Văn phòng Đăng ký đất đai thống nhất ý kiến tại Công văn trên và không có hồ sơ, tài liệu nào khác để cung cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi nhánh Văn phòng Đ có ý kiến tại văn bản 10946/CNVPĐKĐĐPT-TTLT ngày 06/12/2024:

Ngày 12/4/2019, Chi nhánh Văn phòng Đ có tiếp nhận hồ sơ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị D tại biên nhận số 4103/TNHS (do bà Đặng Vũ Thị H1 là người được ủy quyền nộp hồ sơ).

Bà Nguyễn Thị D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Bùi Minh Q đối với thửa đất số 178, tờ bản đồ số 85, diện tích 1000,0 m² gồm 300,0 m² đất

ở tại nông thôn và 700,0 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 529050 do UBND thành phố P cấp ngày 20/11/2018.

Sau khi thẩm định hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đã chuyển hồ sơ sang Chi cục Thuế thành phố P để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Chi cục Thuế thành phố P đã ban hành các Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân. Người sử dụng đất đã thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, qua rà soát hồ sơ thì phần diện tích 300,0 m² đất ở tại nông thôn của thửa đất số 178, tờ bản đồ số 85 theo Giấy chứng nhận số CP 529090 có nguồn gốc do ông Bùi Minh Q được UBND thành phố P cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn theo Quyết định số 7400/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 nhưng không phù hợp quy hoạch sử dụng đất theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 theo Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh B. Do đó, ngày 14/02/2020 Chi nhánh Văn phòng có Công văn số 492/CNVPĐKĐĐ thông báo cho bà Nguyễn Thị D được biết về nguồn gốc thửa đất do chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không phù hợp quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh B, Chi nhánh Văn phòng đang xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền về việc giải quyết hồ sơ có nguồn gốc chuyển mục đích không đảm bảo quy định. Ngày 30/11/2023, UBND tỉnh B ban hành Công văn số 4721/UBND-KT về việc ý kiến về nội dung báo cáo và đề nghị của Sở T3 tại Công văn số 5523/STNMT-CCQLĐĐ ngày 20/11/2023: *"...3. Giao Sở T3 căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các quy định pháp luật về đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành, có văn bản hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các thủ tục đất đai theo đúng quy định."*

Căn cứ công văn nêu trên của UBND tỉnh B, hiện nay UBND thành phố P đang rà soát và kiến nghị đề xuất giải quyết đối với các trường hợp đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trước đây mà không đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân tham mưu, giải quyết trước đây.

Chi nhánh Văn phòng hiện vẫn chưa nhận được ý kiến chỉ đạo giải quyết hồ sơ của cấp có thẩm quyền liên quan đến vướng mắc các trường hợp hồ sơ đã chuyển mục đích chưa đảm bảo theo quy định. Do đó, ngày 01/8/2024, Chi nhánh Văn phòng ban hành Thông báo số 1126/TB-CNVPĐKĐĐPT-ĐKCG về việc hoàn trả hồ sơ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị D. Đồng thời, Chi nhánh Văn phòng có Công văn số 1127/CNVPĐKĐĐPT-ĐKCG ngày 01/8/2024 gửi Chi cục Thuế thành phố P về việc hủy Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính của bà Nguyễn Thị D. Sau khi các cấp có thẩm quyền có ý kiến chỉ đạo liên quan đến các nội dung vướng mắc của Chi nhánh V thì Chi nhánh Văn phòng sẽ thông báo lại cho bà Nguyễn Thị D được biết và phối hợp thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến tại Văn bản số 8348/UBND-KT ngày 28/11/2024:

Thửa đất mà bà Nguyễn Thị D đăng ký biến động nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 85, diện tích 1.000 m² gồm

300 m² đất ở tại nông thôn và 700 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 529050 được UBND thành phố P cấp ngày 20/11/2018 cho ông Bùi Minh Q. Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 85 nêu trên có nguồn gốc từ thửa đất số 178, tờ bản đồ số 85, diện tích 1.000 m² đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 667544 do Sở T3 cấp ngày 14/9/2018 cho ông Bùi Minh Q. Ngày 09/10/2018, UBND thành phố P cho phép ông Bùi Minh Q được chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn với diện tích 300 m² tại Quyết định số 7400/QĐ-UBND và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 529050 ngày 20/11/2018 (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 85, diện tích 1.000 m² gồm 300 m² đất ở tại nông thôn và 700 m² đất trồng cây lâu năm). Tại Quyết định số 7400/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND thành phố P về việc cho phép ông Bùi Minh Q được chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn với diện tích 300 m² thì trong phần cơ sở pháp lý căn cứ vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của thành phố P đã được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố P đã được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 03/4/2018. Căn cứ Mạnh chinh lý bản đồ địa chính số 746-2018 kèm theo tại Quyết định số 7400/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 do chi nhánh Văn phòng Đ ngày 19/9/2018 đối chiếu với các quy hoạch như sau:

- Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của thành phố P đã được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 thì vị trí khu đất cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm.

- Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố P đã được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 thì vị trí khu đất cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm.

Hiện nay, UBND thành phố P chưa thu hồi và hủy Quyết định số 7400/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 nêu trên. Tuy nhiên, hiện nay, hồ sơ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định số 7400/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 nêu trên đã được chuyển sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P theo Kết luận số 4435/KL-UBND ngày 05/7/2024 về việc sửa đổi, bổ sung nội dung Kết luận thanh tra số 6738/KL-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác tham mưu giải quyết hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn các xã T, T và P, thành phố P.

Căn cứ Điều 52 Luật Đất đai năm 2013 thì việc UBND thành phố P cho phép ông Bùi Minh Q chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn tại Quyết định số 7400/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 thì không phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất và Kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt. Ngày 01/8/2024, Chi nhánh Văn phòng Đ có Thông báo số 1126/TB-CNVPTĐKĐPT-ĐKCG về việc hoàn trả hồ sơ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị D. Do đó, đối với nội dung mà bà Nguyễn Thị D yêu

cầu Tòa án hủy Thông báo số 1126 nêu trên và buộc Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao không thuộc thẩm quyền của UBND thành phố P vì Chi nhánh Văn phòng Đ là đơn vị trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T3.

3. Ông Bùi Minh Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, hủy Thông báo số 1126/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/8/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P. Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B và Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, ông Bùi Minh Q, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B, Chi nhánh Văn phòng Đ và UBND thành phố P vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về quyền khởi kiện:

Ngày 10/4/2024, bà Nguyễn Thị D có nhận chuyển nhượng thửa đất số 178, tờ bản đồ số 85, diện tích 1000,0m², mục đích sử dụng: 300m² đất ở tại nông thôn và 700m² đất trồng cây lâu năm; địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CP 529050 do UBND thành phố P cấp ngày 20/11/2018 đứng tên ông Bùi Minh Q, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3848, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/4/2019 tại Phòng C tỉnh Bình Thuận. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà D có ủy quyền cho bà Đặng Vũ Thị H1 đi nộp hồ sơ đăng ký chuyển quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng Đ.

Tuy nhiên, ngày 01/8/2024, Chi nhánh Văn phòng Đ đã ban hành Thông báo số 1126/TB-CNVPĐKĐĐPT-ĐKCG hoàn trả hồ sơ đăng ký chuyển quyền sử dụng đất của bà D. Việc trả hồ sơ, từ chối đăng ký biến động sang tên bà D đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D nên bà D có quyền khởi kiện đối với Văn bản số 1126/TB-CNVPĐKĐĐPT-ĐKCG ngày 01/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành Thông báo số 1126/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/8/2024. Đến ngày 12/8/2024, bà Nguyễn Thị D nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về nội dung quyết định hành chính bị khiếu kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] khoản 1 Điều 45 Luật đất đai năm 2024 quy định: “*Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất khi có đủ các điều kiện sau đây:*

a) Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp thừa kế quyền sử dụng đất, chuyển đổi đất nông nghiệp khi dồn điền, đổi thửa, tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước, cộng đồng dân cư và trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 124 và điểm a khoản 4 Điều 127 của Luật này;

b) Đất không có tranh chấp hoặc tranh chấp đã được giải quyết bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật;

c) Quyền sử dụng đất không bị kê biên, áp dụng biện pháp khác để bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự;

d) Trong thời hạn sử dụng đất;

đ) Quyền sử dụng đất không bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật.”

[4.2] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Bùi Minh Q và bà Nguyễn Thị D phù hợp với quy định của pháp luật, thửa đất được chuyển nhượng có đủ tất cả các điều kiện nêu trên và thuộc trường hợp bắt buộc phải đăng ký biến động đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 131, điểm a khoản 1 Điều 133 Luật Đất đai năm 2024. Việc đăng ký biến động sang tên người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ thay đổi tên người sử dụng thửa đất, không làm thay đổi các thông tin khác đối với thửa đất.

[4.3] Chi nhánh Văn phòng Đ cho rằng Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của UBND thành phố P không phù hợp với quy hoạch của Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh B nên không giải quyết hồ sơ đăng ký biến động của bà Nguyễn Thị D. Hội đồng xét xử xét thấy: Đến nay, Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của UBND thành phố P chưa bị hủy bỏ, thu hồi, các thông tin về diện tích và mục đích sử dụng đất thể hiện trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoàn toàn phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc trả lại hồ sơ đăng ký biến động của Chi nhánh Văn phòng Đ tại Thông báo số 1126/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/8/2024 là không có căn cứ, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện nên người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ thông báo nêu trên là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bà Nguyễn Thị D được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

- Khoản 1 Điều 45, khoản 1 Điều 131, điểm a khoản 1 Điều 133 Luật Đất đai năm 2024;

- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

- Hủy Thông báo số 1126/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 01/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B, Chi nhánh Văn phòng Đ phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc giải quyết hồ sơ đăng ký chuyển quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị D 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000454 ngày 31/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/12/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- Cục THADS tỉnh B.Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tờ HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân